

Bản án số: 19/2021/HSST.

Ngày: 26/02/2021.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Ngọc Tuấn.

*Các hội thẩm nhân dân:*

Ông Dương Đình Luật.

Ông Văn Phú Hiên.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Đại diện VKSND huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:** Ông Nguyễn Đăng Chiến – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở TAND huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 01/2021/HSST ngày 12 tháng 01 năm 2021, đối với bị cáo:

**ĐVH**, sinh năm: 1991, tại TP Hồ Chí Minh – ( Có mặt ). Hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên chúa giáo. Nghề nghiệp: Không. Học vấn: 5/12. Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 16/6/2017 bị TAND quận 9, TP Hồ chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Quyết định số: 82/QĐ-TA ngày 16/6/2017. Chấp hành xong ngày 18/01/2019. Tiền án: Không. Nhân thân: Ngày 15/7/2014 bị TAND quận 9, TP Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội: “ Cướp tài sản ”, bản án số: 92/2014/HSST ngày 15/7/2014. Chấp hành xong ngày 28/4/2016. Ngày 13/10/2020 bị TAND huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 18 tháng. Quyết định số: 73/QĐ-TA ngày 13/10/2020, chưa chấp hành xong. Bắt ngày: 15/10/2020. Họ tên cha: ĐVK, sinh năm: 1965. Họ tên mẹ: ĐTP, sinh năm: 1964.

*Người bị hại:*

1. *NNT*, sinh năm: 1998 – ( Vắng mặt ).

Hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *LTNH*, sinh năm: 1981 – ( Có mặt ).

Hộ khẩu thường trú: 155, đường TNV, phường LĐ, TP TĐ, TP Hồ Chí Minh.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. *LTH*, sinh năm: 1971 – ( Vắng mặt ).

Hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *LHN*, sinh năm: 1981 – ( Vắng mặt ).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 10, ấp TS2A, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. *NVN*, sinh năm: 1962 – ( Vắng mặt ).

Hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

4. *NNB*, sinh năm: 1994 – ( Vắng mặt ).

Hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã Hoà Hội, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5. *Đỗ Phi Hải*, sinh năm: 1983 – ( Có mặt ).

Hộ khẩu thường trú: 24/9/3, đường 3, tổ 3, phường TT, quận 9, TP Hồ Chí Minh.

*Người làm chứng:*

*NVH*, sinh năm: 2006 – ( Vắng mặt ).

Hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Trong khoảng thời gian từ ngày 31/8/2020 đến ngày 12/9/2020, sau khi mượn tài sản của nhiều người, H đã nảy sinh ý định chiếm tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cụ thể các vụ như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 9h00 ngày 31/8/2020, H đến nhà chị LTH chơi. Sau đó, H mượn xe mô tô biển số 52H8-1258 của chị H đến nhà mẹ ruột là bà ĐTP ở xã XM lấy lẩu cá về ăn nhưng không gặp. Lúc này, H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe bán lấy

tiền tiêu xài. H chạy xe đến nhà anh N hỏi bán xe nhưng anh N không mua nên H gửi xe lại để tìm người khác bán nhưng chưa tìm được thì bị chị H tố cáo. Công an xã HH mời H về làm việc nhưng H sợ bỏ trốn. Sau đó, Công an xã HH chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện XM điều tra theo thẩm quyền.

Kết luận định giá tài sản số 110/KL-HĐĐG ngày 30/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện XM thì tại thời điểm xảy ra vụ án: Xe mô tô nhãn hiệu Darling màu nâu, biển số 52H8-1258 có giá trị 2.100.000Đ ( Hai triệu một trăm ngàn ).

Xe mô tô biển số 52H8-1258 do chị H mua lại từ anh TVH, địa chỉ: 156/3C1, đường THĐ, phường 3, quận 5, TP Hồ Chí Minh. Qua xác minh không có địa chỉ này nên chưa làm việc được với anh H. Do vậy, Cơ quan CSĐT tạm giữ chiếc xe để xử lý sau.

Vụ thứ 2 và thứ 3:

Ngày 08/9/2020 H đến nhà anh T để làm thuê. Sau khi làm xong anh T rủ H nhậu, H mượn xe mô tô biển số 72G1-523.86 của anh T đi mua rượu. Trên đường đi H nảy sinh ý định bán xe lấy tiền nên chạy xe đến phường Long Bình, quận 9, TP Hồ Chí Minh bán cho anh N với giá 3.500.000Đ ( Ba triệu năm trăm ngàn ), anh N đã trả cho H 3.000.000Đ ( Ba triệu ), còn nợ lại 500.000Đ ( năm trăm ngàn ). Anh T tố cáo, Công an xã HH thụ lý và chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện XM điều tra theo thẩm quyền. Tiếp đến ngày 12/9/2020 H uống ca fe với chị H tại quán Hương Tràm ở quận 9, TP Hồ Chí Minh, H mượn xe máy biển số 59X3-537.72 của chị H để đi sửa điện thoại, chị H đồng ý. Khi nhận được xe, H nảy sinh ý định chiếm đoạt nên gọi điện thoại cho bạn tên T ( không rõ lai lịch ) nhờ T bán xe. Khi nghe T nói xe này chỉ bán được 6.000.000Đ ( Sáu triệu ) thì H nhờ T cầm với giá 4.000.000Đ ( Bốn triệu ). H giao xe cho T mang đi cầm đồ nhưng T chiếm đoạt xe và bỏ trốn không trả lại cho H. Sự việc được chị H trình báo với Công an quận 9, TP Hồ Chí Minh. Sau đó khởi tố vụ án, khởi tố bị can chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện XM nhập để điều tra theo quy định pháp luật.

Kết luận định giá tài sản số 109/KL-HĐĐG ngày 30/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện XM thì tại thời điểm xảy ra vụ án: Xe mô tô

nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu đỏ đen, biển số 72G1-523.86 có giá trị 16.750.000Đ ( Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn).

Kết luận định giá tài sản số 156-2020/KL-HĐĐGTS ngày 20/10/2020 của Hội đồng định giá tài Ủy ban nhân dân quận 9, TP Hồ Chí Minh thì tại thời điểm xảy ra vụ án: Xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Vision màu đỏ nâu, biển số 59X3-537.72 có giá trị 27.700.000Đ ( Hai mươi bảy triệu bảy trăm ngàn).

Về dân sự và vật chứng thu giữ: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu đỏ đen, biển số 72G1-523.86 do anh B đứng tên chủ sở hữu, anh B đã cho anh T nên sau khi thu giữ đã trả lại cho anh T. Anh T, anh B không có yêu cầu gì thêm. Chị H xin nhận lại chiếc xe mô tô biển số 52H8-1258. Anh N yêu cầu trả lại 3.000.000Đ ( Ba triệu ), H đồng ý nhưng chưa bồi thường. Xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Vision màu đỏ nâu, biển số 59X3-537.72 Cơ quan CSĐT đã thông báo truy tìm nhưng chưa tìm được, chị H yêu cầu bồi thường 27.700.000Đ ( Hai mươi bảy triệu bảy trăm ngàn ), H đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 11/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện XM đã truy tố bị cáo ĐVH về tội: “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ” theo Điểm a Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Đối với anh N, anh N không biết tài sản H gửi và bán là do phạm tội mà có nên không phạm tội. T bỏ trốn và chưa rõ lai lịch nên Cơ quan CSĐT xác minh, truy tìm xem xét xử lý sau.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như đã khai báo tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã nêu, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt. Đồng ý bồi thường cho chị H, đồng ý trả lại cho anh N tiền mua xe là 3.000.000Đ ( Ba triệu ).

Chị H chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường một phần giá trị chiếc xe là 15.000.000Đ ( Mười lăm triệu ). Anh T, anh B, anh H không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã nêu, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo: ĐVH phạm tội: “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ”.

Đề nghị áp dụng Điểm a, Khoản 1 Điều 175; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo ĐVH từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Điểm b Khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo ĐVH trả lại cho anh N 3.000.000Đ ( Ba triệu ).

Áp dụng Điều 212 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ghi nhận sự thoả T giữa bị cáo và chị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 31/8/2020 đến ngày 12/9/2020, H đã lợi dụng sự tin tưởng của người khác, sau khi được giao tài sản H đã chiếm đoạt 03 chiếc xe mô tô của người khác.

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Phù hợp với các bản Kết luận định giá tài sản số 110/KL-HĐĐG ngày 30/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện XM; Kết luận định giá tài sản số 156-2020/KL-HĐĐGTS ngày 20/10/2020 của Hội đồng định

giá tài Ủy ban nhân dân quận 9, TP Hồ Chí Minh và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 31/8/2020 đến ngày 12/9/2020 H đã mượn tài sản của người khác rồi dùng thủ đoạn gian dối, bỏ trốn để chiếm đoạt, với tổng giá trị tài sản là 46.550.000Đ ( Bốn mươi sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn ). Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội: “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ” được quy định tại Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đã trưởng thành có đầy đủ nhận thức về xã hội, ý thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam tư lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng nhưng lười lao động nên bị cáo đã đi vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng đến cuộc sống, sinh hoạt bình thường của người khác, gây ra sự hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Mặc dù lần chiếm đoạt tài sản của chị H chưa cấu thành tội phạm, nhưng tiếp sau đó bị cáo chiếm đoạt tài sản của anh T với giá trị tài sản là 16.750.000Đ ( Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn), chiếm đoạt tài sản của chị H với giá trị tài sản là 27.700.000Đ ( Hai mươi bảy triệu bảy trăm ngàn ). Vì vậy, bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng là: Phạm tội từ 02 lần trở lên được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người có nhân thân xấu, mặc dù không bị xem là tiền án, nhưng là người đã bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện, bản thân mà tiếp tục phạm tội. Do đó, cần xử nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, cũng xem xét giảm nhẹ một phần cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Đối với anh N, anh N không biết tài sản H gửi và bán là do phạm tội mà có nên không phạm tội.

Đối với T bỏ trốn và chưa rõ lai lịch nên Cơ quan CSĐT xác minh, truy tìm xem xét xử lý sau. Vì vậy, HĐXX không xem xét, xử lý trong vụ án này.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên Toà hôm này bị cáo và chị H thoả T với nhau là: Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị H một phần chiếc xe với số tiền 15.000.000Đ ( Mười lăm triệu ). Đây là sự tự nguyện của các bên, sự thoả T này không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên HĐXX ghi nhận sự thoả T này. Còn anh H không có ý kiến, yêu cầu thêm nên HĐXX không xem xét.

Đối với yêu cầu trả lại 3.000.000Đ ( Ba triệu ) tiền mua xe của anh N là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc bị cáo trả lại cho anh N 3.000.000Đ ( Ba triệu ).

[4] Về vật chứng: Xe mô tô biển số 52H8-1258 Cơ quan CSĐT chưa làm việc được với anh H nên Cơ quan CSĐT tạm giữ chiếc xe để xử lý sau. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

*Vì những lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố: Bị cáo ĐVH phạm tội: “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ”.

[1] Áp dụng Điểm a, Khoản 1 Điều 175 ; Điều 38; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **ĐVH: 30 ( Ba mươi ) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2020.

[2] Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Điểm b Khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo ĐVH trả cho anh NVN 3.000.000Đ ( Ba triệu ).

Áp dụng Điều 212 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ghi nhận sự thoả T của các đương sự tại phiên toà như sau:

ĐVH có trách nhiệm bồi thường cho chị LTNH 15.000.000Đ ( Mười lăm triệu ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Bị cáo ĐVH phải nộp 200.000Đ ( Hai trăm ngàn ) án phí HSST và 300.000Đ ( Ba trăm ngàn ) án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ( Những người vắng mặt tại phiên toà thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án ) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

## **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

### **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

#### **Nơi nhận.**

- TAND tỉnh BR – VT.
- Sở TP tỉnh BR – VT.
- VKSND huyện XM.
- CA huyện XM.
- PC 06.
- PV 10.
- Chi cục THADS huyện XM.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

**Hoàng Ngọc Tuấn**



